TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/11/2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Liệu; Bà Trần Thị Hoa.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đ đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 502/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh BÙI VĂN S - S năm 1981.
Địa chỉ: Số nhà 01, khu dân cư 3, ấp 6, xã P, huyện Q, tỉnh Đ.
- *Bị đơn:* Chị VÕ THỊ HUỲNH N - S năm 1993.
Địa chỉ: Số nhà 68, tổ 2, khu phố 114, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Đ.
(Anh S và chị N đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2018, bản tự khai ngày 27/9/2018, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Bùi Văn S trình bày*:**

Năm 2014, anh và chị N tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng thì phát S tình cảm. Ngày 20/5/2014, anh và chị N được hai bên gia đình tác hợp và tổ chức lễ cưới thành vợ chồng nhưng đến nay vợ chồng anh vẫn chưa đăng ký kết hôn. Nguyên nhân vợ chồng anh chưa đăng ký kết hôn là do anh làm nghề nuôi ong, phải đưa ong đi lấy mật nhiều nơi nên chưa có thời gian đăng

ký kết hôn Ny. Sau 02 tháng sống chung thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh và chị N không còn muốn đăng lý kết hôn với nhau.

Sau ngày cưới nhau, anh và chị N sống chung nhà cha mẹ anh nhưng anh nuôi ong nên thường xuyên vắng nhà. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 02 tháng thì phát S mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N không hòa nhập với gia đình anh và coi trọng gia đình bên chị N hơn là gia đình anh. Khi biết chuyện, anh nhắc nhở chị N thì vợ chồng cãi vã nhau và chị N bỏ về nhà cha mẹ chị N từ tháng 7/2014, sống ly thân với anh cho đến nay.

Nay thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án cho ly hôn với chị Võ Thị Huỳnh N.

Khi sống ly thân, chị N S được 01 bé gái nhưng vì giận anh nên chị N lấy họ bên ngoại để khai S cho cháu và đặt tên là Võ Ngọc Phương Anh - S ngày 20/3/2015. Anh thừa nhận cháu Phương Anh là con chung giữa anh và chị N. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị N không yêu cầu.

Vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 26/9/2018, các bản khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Võ Thị Huỳnh N trình bày:

Chị thừa nhận quá trình sống chung và thông tin về con chung như anh Bùi Văn S trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo chị nguyên nhân vợ chồng sống không hạnh phúc là do anh S có ý lợi dụng tài chính của gia đình chị và khi chị không đồng ý với anh S thì vợ chồng xảy ra cãi vã. Khi vợ chồng cãi nhau, chị giận bỏ đi thì anh S thờ ơ không quan tâm hay thể hiện thiện chí hàn gắn mà bỏ mặc chị muốn sống ra sao thì sống. Nay thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S.

Chị và anh S có 01 con chung là Võ Ngọc Phương Anh – S ngày 30/3/2015. Khi ly hôn, chị đồng ý nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tranh tụng tại phiên tòa:

- Các đương sự không thay đổi ý kiến gì và không tranh luận gì.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, anh S và chị N không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị N. Đề nghị giao cháu Võ Ngọc Phương Anh – S ngày 30/3/2015 cho chị N trực tiếp nuôi

dưỡng theo thỏa thuận của anh chị. Tài sản do các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Anh S phải chịu tiền án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Võ Thị Huỳnh N cư trú tại số 68, tổ 2, khu phố 114, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Đ nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Q có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về tư cách đương sự: Anh S khởi kiện xin ly hôn với chị Võ Thị Huỳnh N nên anh S là nguyên đơn, chị N là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh S khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân.

Xét trình bày của anh Bùi Văn S và chị Võ Thị Huỳnh N về tình trạng hôn nhân là thống nhất nhau nên Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: tình trạng hôn nhân giữa hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không tôn trọng, chăm sóc nhau. Tuy nhiên, hôn nhân giữa anh S và chị N không được pháp luật thừa nhận, theo hướng tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn xử lý trường hợp này như sau: "Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình".

Như vậy, đề nghị của Kiểm sát viên về việc tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn S và chị Võ Thị Huỳnh N là đúng quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung giữa anh Bùi Văn S và chị Võ Thị Huỳnh N là cháu Võ Ngọc Phương Anh - S ngày 20/3/2015; cháu Phương Anh đang sống chung với chị N.

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, từ khi chi N và anh S sống ly thân nhau thì cháu Phương Anh do chị N nuôi dưỡng và đảm bảo cháu phát triển bình thường. Hơn nữa, anh S, chị N thỏa thuận giao cháu Phương Anh cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng; thỏa thuận này phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận làm căn cứ giải quyết vụ án.

Anh S có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung anh S và chị N có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh S.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Anh Bùi Văn S phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 146, 207, 220 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn S và chị Võ Thị Huỳnh N.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc Phương Anh - S ngày 20/3/2015 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Bùi Văn S do chị Võ Thị Huỳnh N không yêu cầu.

Anh Bùi Văn S có quyền thăm chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh S và chị N có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: An Bùi Văn S phải chịu 300.000 đồng. Anh S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 004968 ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q được chuyển thu án phí; anh S đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Bùi Văn S, chị Võ Thị Huỳnh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận**:*
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Q,
- UBND xã P,
- Lưu hồ sơ.

Lê Xuân Hòa